

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG LÔ
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/HNGĐ-ST

Ngày 27 tháng 4 năm 2018

V/v Tranh chấp Hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG LÔ, TỈNH VINH PHÚC

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Huệ

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Túc

2. Bà Nguyễn Thị Hồng

Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Trần Thị Kim Dung

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô tham gia phiên toà: Ông Dương Mạnh Cường, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2018, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Sông Lô xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2018/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2018 về việc tranh chấp Hôn nhân gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đỗ Xuân L, sinh năm 1939, (có mặt)

Bị đơn: Bà Phạm Thị S, sinh năm 1945, (vắng mặt)

Đều cư trú: thôn Đ, xã T, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 05 tháng 02 năm 2018, những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Đỗ Xuân L trình bày:

Ông tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương với bà Phạm Thị S năm 1975, không đăng ký kết hôn, ngoài ra không chung sống với ai và không đăng ký kết hôn với người nào khác. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận yêu thương chăm sóc nhau được khoảng 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bà S tự ý đi làm giúp việc gia đình thời gian quá lâu từ năm 2002 đến nay nên vợ chồng có mâu thuẫn. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn ông xin được ly hôn với bà S.

Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung Đỗ Xuân Q, sinh năm 1975, Đỗ Xuân L, sinh năm 1976, Đỗ Thị T, sinh năm 1982, Đỗ Thị H, sinh năm 1983. Hiện các con ông đã trưởng thành ông không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Ông không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Phạm Thị S vắng mặt tại phiên tòa trong quá trình giải quyết bà trình bày do bà bận công việc không đến tòa giải quyết được bà đề nghị tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt bà, bà trình bày: Bà và ông Đỗ Xuân L chung sống với nhau như vợ chồng từ khoảng năm 1974- 1975, tổ chức theo phong tục địa phương và được tự do tìm hiểu, không đăng ký tại UBND xã theo quy định của pháp luật. Ngoài ra không chung sống với ai và không đăng ký kết hôn với người nào khác. Cán bộ UBND xã T đã phổ biến vận động vợ chồng bà đăng ký kết hôn nhưng vợ chồng bà chưa đi làm thủ tục đăng ký. Quá trình vợ chồng chung sống thường xuyên mâu thuẫn, cãi chửi nhau nên không có hạnh phúc. Đến năm 2011 mâu thuẫn trầm trọng do bà bị ốm nặng phải đi điều trị ông L thường xuyên chửi mắng bà nên bà phải vào thành phố H ở với con gái chỉ đến tết bà mới về. Nay ông L làm đơn xin ly hôn bà đồng ý ly hôn ông L.

Về con chung: Vợ chồng có bốn con như ông L trình bày là đúng. Nay các con đã trưởng thành bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: Bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

Qua xác minh UBND xã T ông Đỗ Xuân L và bà Phạm Thị S sống chung với nhau khoảng năm 1974,1975 và không đăng ký kết hôn. Ông L, bà S không chung sống và kết hôn với ai khác. Quá trình vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông bà thường xuyên cãi chửi nhau và thỉnh thoảng ông L có đánh bà S nhưng chưa đến trình báo gì với địa phương. Nay ông L xin ly hôn với bà S địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: vợ chồng có bốn con chung đều đã trưởng thành và đã xây dựng gia đình riêng. Về tài sản, công nợ, công sức địa phương không nắm được.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/

UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Đỗ Xuân L và xử cho ông L được ly hôn bà Phạm Thị S.

2. Về con chung, tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: không đề nghị nên không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Ông L không phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân giữa ông Đỗ Xuân L và bà Phạm Thị S chung sống với nhau từ khoảng năm 1974-1975 không đăng ký kết hôn nhưng tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương trước khi về chung sống, ngoài ra không chung sống với ai và không đăng ký kết hôn với người nào khác. Căn cứ điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 và điểm c mục 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001. Do vậy hôn nhân giữa ông L và bà S là hôn nhân thực tế. Quá trình vợ chồng chung sống theo ông L vợ chồng chung sống 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bà S tự ý đi làm giúp việc gia đình thời gian quá lâu từ năm 2002 đến nay nên vợ chồng có mâu thuẫn. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn ông xin được ly hôn với bà S. Theo bà S quá trình vợ chồng chung sống thường xuyên mâu thuẫn, cãi chửi nhau nên không có hạnh phúc. Nay ông L xin ly hôn bà S đồng ý. Ngoài ra bà S có lời khai đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sông Lô giải quyết vắng mặt bà vì hiện nay bà đi làm vắng. Căn cứ điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 quy định:

“a) Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03 tháng 01 năm 1987, ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình ...”

Do vậy ông L xin ly hôn bà S là có căn cứ phù hợp với Điều 56 luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận.

[2] Về nuôi con chung, tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: Ông L, bà S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét và quyết định.

[3] Về án phí: Ông L có đơn xin miễn án phí và có xác nhận của chính quyền địa phương, là người cao tuổi nên không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình và điểm b khoản 1 Điều 3, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Đỗ Xuân L và xử cho ông L được ly hôn với bà Phạm Thị S.

2. Về con chung, tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: không đề nghị nên không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Ông Đỗ Xuân L không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Trả lại ông Đỗ Xuân L 300.000đ theo biên lai số: AA/2016/0004669 ngày 07/02/2018 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Lô.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án cấp trên để yêu cầu xét xử theo trình tự phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú của người vắng mặt.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Sông Lô;
- Chi cục THADS huyện Sông Lô;
- UBND xã Tân Lập;
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký tên và đóng dấu)

Trần Thị Huệ